TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T,TP. H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 524/2021/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 19 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 536/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1983

Nơi ĐKNKTT: Tập thể gạch Đại Thanh, xã T, huyện T, thành phố Hi.

Chỗ ở: Số 23, phường T, quận T, Thành phố H.

Bị đơn: Anh An Mạnh L, sinh năm 1980

Trú tại: Tập thể gạch Đại Thanh, xã T, huyện T, thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Đào Thị T và anh An Mạnh L

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu An Mạnh Bảo L, sinh ngày 15/02/2004 và An Ngọc L, sinh ngày 18/01/2013. Giao cả 02 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

* Về án phí: Chị Đào Thị T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số 0062328 ngày 01/11/2021. Hoàn trả chị T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- Đăng ký kết hôn ngày 26/01/2004 tại UBND xã T, huyện T, thành phố H.
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Thẩm phán
(Đã ký)